

Số: /2026/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH14 và Luật số 44/2024/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số .../BC-BKTNS ngày ... tháng...năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 1 Chương I như sau:

“a) Tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân, chủ rừng có hoạt động phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản theo quy định của Nghị quyết.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 2 Chương I như sau:

“4. Đối tượng hỗ trợ tham gia dự án, phương án sản xuất được hưởng đồng thời các nội dung hỗ trợ quy định tại từng chính sách hoặc được lựa chọn nội dung hỗ trợ phù hợp.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 2 Chương I như sau:

“6. Trường hợp nội dung hỗ trợ trong Quy định này có nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ phù hợp nhất.”.

4. Bổ sung khoản 8 vào Điều 2 Chương I như sau:

“8. Loài cây dược liệu của dự án, phương án được hưởng chính sách hỗ trợ tại Quy định này phải thuộc Danh mục cây dược liệu ưu tiên hỗ trợ phát triển do UBND tỉnh ban hành.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 4 Chương II như sau:

“c) Quy mô vùng nguyên liệu của dự án/phương án đạt từ 20 ha trở lên (bao gồm diện tích hiện có và trồng mới, trồng bổ sung, thay thế), trong đó quy mô sản xuất của hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án, phương án đạt tối thiểu từ 0,3 ha trở lên.”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 5 Chương II như sau:

“c) Quy mô vùng nguyên liệu của dự án/phương án đạt từ 30 ha trở lên (bao gồm diện tích hiện có và trồng mới, trồng thay thế), trong đó quy mô sản xuất của hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án/phương án đạt tối thiểu từ 0,5 ha trở lên.”.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 6 Chương II như sau:

“b) Quy mô vùng nguyên liệu của dự án/phương án đạt từ 10 ha trở lên (bao gồm diện tích hiện có và trồng mới, trồng thay thế).”.

8. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 8 Chương II như sau:

“b) Quy mô vùng nguyên liệu của dự án/phương án đạt từ 30 ha trở lên (bao gồm diện tích hiện có và trồng mới), trong đó quy mô sản xuất của hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án/phương án đạt tối thiểu từ 0,3 ha trở lên.”.

9. Bổ sung Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21 Mục 5 vào Chương II như sau:

“Mục 5 HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DƯỠC LIỆU”

“Điều 15. Hỗ trợ sản xuất giống dươc liệu

1. Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất giống dươc liệu trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ:

a) Đối tượng hỗ trợ có đơn đăng ký tham gia; có dự án sản xuất giống dươc cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Diện tích sản xuất giống dươc liệu tập trung từ 0,2 ha trở lên.

c) Có bản cam kết duy trì hoạt động sản xuất giống đúng mục tiêu dự án, thời gian tối thiểu 05 năm kể từ thời điểm dươc hỗ trợ.

3. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ không quá 50% tổng mức đầu tư xây dựng mới cơ sở hạ tầng (nhà lưới, nhà kính, kho bảo quản, hệ thống tưới) và mua mới thiết bị phục vụ sản xuất giống (hệ thống giá kệ, thiết bị điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm, thiết bị theo dõi điều kiện bảo quản và các thiết bị chuyên dụng khác). Mức hỗ trợ tối đa không quá 2 tỷ đồng/dự án.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.”;

“Điều 16. Hỗ trợ trồng dươc liệu tập trung

1. Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân phát triển vùng nguyên liệu tập trung.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ:

a) Đối tượng hỗ trợ có đơn đăng ký tham gia; có dự án (áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã) hoặc phương án (áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân) dươc cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Quy mô diện tích vùng nguyên liệu đối với dự án, phương án đạt từ 2 ha trở lên, trong đó quy mô sản xuất của hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án, phương án đạt tối thiểu từ 0,2 ha trở lên.

3. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần không quá 70% chi phí mua giống, phân bón cho diện tích trồng mới trong năm đầu tiên. Mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/ha.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.”;

“Điều 17: Hỗ trợ phát triển được liệu dưới tán rừng

1. Đối tượng hỗ trợ:

a) Đối với hỗ trợ xây dựng Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây được liệu: Chủ rừng là các ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ; doanh nghiệp trong nước, hợp tác xã; hộ gia đình, cá nhân trong nước, cộng đồng dân cư theo Điều 8 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14.

b) Đối với hỗ trợ trồng mới được liệu: Chủ rừng theo điểm a khoản này; tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để phát triển được liệu.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ:

a) Đối tượng hỗ trợ có đơn đăng ký tham gia; có dự, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây được liệu:

b1) Đảm bảo điều kiện quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 183/2025/NĐ-CP.

b2) Quy mô Phương án từ 50 ha trở lên đối với chủ rừng là tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã; từ 30 ha trở lên đối với chủ rừng là cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân.

b3) Phương án sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt phải có diện tích được tổ chức triển khai thực hiện phát triển được liệu dưới tán rừng.

c) Đối với dự án, phương án trồng mới được liệu dưới tán rừng: Quy mô diện tích vùng nguyên liệu đạt từ 5 ha trở lên, trong đó quy mô sản xuất của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án, phương án đạt tối thiểu từ 0,3 ha trở lên.

Trường hợp đối tượng tham gia thực hiện dự án không phải là chủ rừng thì phải có hợp đồng thuê môi trường với chủ rừng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 183/2025/NĐ-CP.

3. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ xây dựng Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây được liệu trong rừng: Hỗ trợ một lần không quá 400.000 đồng/ha để lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập Phương án.

b) Hỗ trợ trồng mới được liệu dưới tán rừng: Hỗ trợ một lần không quá 70% chi phí để mua cây giống, phân bón trong năm đầu tiên. Mức kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/ha.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.”;

“Điều 18. Hỗ trợ vùng nguyên liệu được liệu được chứng nhận đạt tiêu chuẩn Thực hành tốt trồng trọt và thu hái được liệu “GACP” hoặc “GACP Việt Nam/GACP-WHO”

1. Đối tượng áp dụng: Tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất dược liệu có vùng nguyên liệu được chứng nhận đạt tiêu chuẩn Thực hành tốt trồng trọt và thu hái dược liệu “GACP” hoặc “GACP Việt Nam/ GACP-WHO” theo quy định của Bộ Y tế.

2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ:

a) Có đơn đăng ký tham gia; có dự án sản xuất dược liệu được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Vùng nguyên liệu được chứng nhận đạt tiêu chuẩn Thực hành tốt trồng trọt và thu hái dược liệu “GACP” hoặc “GACP Việt Nam/ GACP-WHO” theo quy định tại Thông tư 19/2019/TT-BYT của Bộ Y tế;

c) Quy mô vùng nguyên liệu tối thiểu 02 ha/dự án.

3. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn, đánh giá, cấp giấy chứng nhận vùng nguyên liệu đạt tiêu chuẩn “GACP” hoặc “GACP Việt Nam/ GACP-WHO” theo quy định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.”;

“Điều 19. Hỗ trợ cấp mã số vùng trồng dược liệu

1. Đối tượng áp dụng: Tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất dược liệu tập trung.

2. Điều kiện được hỗ trợ

a) Đối tượng hỗ trợ có đơn đăng ký tham gia, có dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Quy mô vùng nguyên liệu: Diện tích tối thiểu từ 2 ha/dự án đối với cây dược liệu hàng năm; diện tích tối thiểu 10 ha/dự án đối với cây dược liệu lâu năm.

c) Cam kết duy trì mã vùng trồng đảm bảo đúng quy định tối thiểu 5 năm.

3. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí thuê tư vấn, đánh giá, phân tích mẫu đất, mẫu nước, chất lượng sản phẩm. Mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/vùng trồng.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.”;

“Điều 20. Hỗ trợ đầu tư cơ sở bảo quản dược liệu

1. Đối tượng áp dụng: Tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ:

a) Có dự án đầu tư cơ sở bảo quản dược liệu được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Có hợp đồng thu mua nguyên liệu dược liệu ổn định (ít nhất 36 tháng) với nông dân hoặc các tổ chức đại diện cho nông dân trên địa bàn tỉnh Lào Cai có xác nhận của chính quyền địa phương, trường hợp vùng nguyên liệu do tổ chức, cá nhân tự đầu tư trên địa bàn tỉnh phải có minh chứng vùng nguyên liệu của mình.

c) Đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng đối với cơ sở bảo quản dược liệu:

c1) Đối với cơ sở bảo quản dược liệu để sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về dược và các quy định chuyên ngành có liên quan, đáp ứng Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu GSP.

c2) Đối với cơ sở bảo quản dược liệu để sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, đáp ứng yêu cầu về Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu GSP.

c3) Đối với cơ sở bảo quản dược liệu để sản xuất mỹ phẩm phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về mỹ phẩm và Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm theo quy định.

c4) Đối với cơ sở bảo quản dược liệu để sản xuất các sản phẩm khác không thuộc các trường hợp quy định tại c1, c2, c3 điểm này phải đáp ứng các quy định của pháp luật có liên quan về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và quy định chuyên ngành tương ứng; cơ sở phải được cấp giấy chứng nhận tiêu chuẩn ISO 22000 hoặc HACCP; trường hợp thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thì phải có giấy chứng nhận còn hiệu lực theo quy định.

d) Máy móc, dây truyền, thiết bị bảo đảm mới 100%, có hồ sơ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp, hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Chi mua sắm máy móc, dây truyền, thiết bị trong hàng rào dự án theo Quyết định của cấp có thẩm quyền trong phạm vi dự toán được giao, việc lựa chọn nhà cung cấp, mua sắm, thanh quyết toán thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

e) Được các cơ quan chức năng nghiệm thu khối lượng, chất lượng, hiệu quả kinh tế xã hội của dự án.

3. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần tối đa 50% chi phí đầu tư máy móc, dây truyền, thiết bị phục vụ bảo quản dược liệu trong hàng rào dự án (gồm sấy, chiếu xạ, khử trùng, đông lạnh, bảo quản sinh học). Mức hỗ trợ tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.”;

“Điều 21. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chế biến dược liệu

1. Đối tượng áp dụng: Tổ chức, Doanh nghiệp, Hợp tác xã

2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ:

a) Có dự án đầu tư cơ sở chế biến dược liệu được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Có hợp đồng thu mua nguyên liệu dược liệu ổn định (ít nhất 36 tháng) với nông dân hoặc các tổ chức đại diện cho nông dân trên địa bàn tỉnh Lào Cai có xác nhận của Chính quyền địa phương, trường hợp vùng nguyên liệu do tổ chức cá nhân tự đầu tư phải có minh chứng vùng nguyên liệu của mình.

c) Đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng đối với cơ sở bảo quản dược liệu:

c1) Đối với cơ sở chế biến dược liệu để sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về dược và các quy định

chuyên ngành có liên quan, đáp ứng yêu cầu về Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc (GMP).

c2) Đối với cơ sở sử dụng dược liệu để sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, đáp ứng yêu cầu về Thực hành tốt sản xuất (GMP) trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

c3) Đối với cơ sở sử dụng dược liệu để sản xuất mỹ phẩm phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về mỹ phẩm và Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm theo quy định.

c4) Đối với cơ sở chế biến dược liệu để sản xuất các sản phẩm khác không thuộc các trường hợp quy định tại c1, c2, c3 điểm này phải đáp ứng các quy định của pháp luật có liên quan về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và quy định chuyên ngành tương ứng; cơ sở phải được cấp giấy chứng nhận tiêu chuẩn ISO 22000 hoặc HACCP; trường hợp thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thì phải có giấy chứng nhận còn hiệu lực theo quy định.

c5) Cơ sở chế biến dược liệu có công suất thiết kế tối thiểu từ 03 tấn nguyên liệu/ngày trở lên.

d) Máy móc, dây truyền, thiết bị bảo đảm mới 100%, có hồ sơ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp, hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Chi mua sắm máy móc, dây truyền, thiết bị trong hàng rào dự án theo Quyết định của cấp có thẩm quyền trong phạm vi dự toán được giao, việc lựa chọn nhà cung cấp, mua sắm, thanh quyết toán thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

e) Được các cơ quan chức năng nghiệm thu khối lượng, chất lượng, hiệu quả kinh tế xã hội của dự án.

3. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần tối đa 50% kinh phí đầu tư máy móc, dây truyền, thiết bị phục vụ chế biến dược liệu trong hàng rào dự án. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/dự án.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện các chính sách; quy định danh mục loài cây dược liệu ưu tiên hỗ trợ phát triển và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khoá XVII, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh; Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban TT UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Công báo, Cổng TT-ĐT, Báo và PTTH tỉnh;
- Các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

.....